

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI ENTERLIVE VIỆT NAM**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI ENTERLIVE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ENTERLIVE VIETNAM MEDIA AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ENTERLIVE VIETNAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110706736

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, số 131 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976915836

Fax:

Email: [contact@enterlive.vn](mailto:contact@enterlive.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa).                                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649(Chính) |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                        | 8299        |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                      | 8559 |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                 | 8560 |
| 13. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(không bao gồm Hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                         | 9000 |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201 |
| 15. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                               | 6312 |
| 19. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                         | 7310 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                            | 4690 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lã chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                     | 4711 |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719 |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 26. | In ấn                                                                                                                                                                   | 1811 |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812 |
| 28. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                | 4791 |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim video                                                     | 5911 |
| 31. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                        | 5912 |
| 32. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                      | 5920 |
| 33. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                               | 6190 |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

|     |                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771 |
| 38. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                              | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRẦN THỊ KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 15/10/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034191004145

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 CT4 Khu nhà ở và TTTM Hà Cầu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1102 CT4 Chung cư Hyundai Hillstate, đường Tô Hiệu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN THỊ KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034191004145

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 CT4 Khu nhà ở và TTTM Hà Cầu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1102 CT4 Chung cư Hyundai Hillstate, đường Tô Hiệu, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội